

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013

Bình Dương, tháng 07 năm 2013

★ S.G.C. ★

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Khu Phố 1B - Phường An Phú - Thị Xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương

Tel: 0650 3 791 038

Fax: 0650 3 791 037

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	02 – 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	05
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	06 - 21

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		200,161,073,347	174,551,611,780
I. Nợ ngắn hạn	310		199,501,073,347	172,006,247,280
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	117,217,327,638	112,191,274,083
2. Phải trả người bán	312		39,971,697,171	20,054,017,155
3. Người mua trả tiền trước	313		6,592,388,629	2,226,493,814
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	19,414,163,560	26,669,292,680
5. Phải trả người lao động	315		3,091,024,665	2,690,314,726
6. Chi phí phải trả	316	V.11	1,215,550,162	1,347,051,191
7. Phải trả nội bộ	317		1,275,144,921	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	7,433,677,914	3,314,004,604
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3,290,098,687	3,513,799,027
II. Nợ dài hạn	330		660,000,000	2,545,364,500
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	660,000,000	2,545,364,500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		447,096,361,726	446,370,916,295
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	447,096,361,726	446,370,916,295
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		343,982,220,000	343,982,220,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72,198,102,374	72,198,102,374
3. Cổ phiếu quỹ	413		(13,458,213)	(13,458,213)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,150,742,318	4,975,083,403
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,409,882,479	4,234,223,564
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4,409,882,479	4,234,223,564
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16,958,990,289	16,760,521,603
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		647,257,435,073	620,922,528,075

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC LIÊN



NGUYỄN NGỌC LIÊN SHIN YOUNG SIK



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Quý II		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	108,516,272,660	113,210,820,542	150,087,584,722	187,453,427,184
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		271,863,457	113,247,915	355,763,678	494,668,786
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		108,244,409,203	113,097,572,627	149,731,821,044	186,958,758,398
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	81,805,137,919	94,664,947,464	115,287,746,832	154,192,006,223
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26,439,271,284	18,432,625,163	34,444,074,212	32,766,752,175
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	1,865,875,547	195,357,242	1,919,353,520	268,789,511
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	4,114,208,220	5,242,632,571	6,987,457,479	9,177,919,319
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3,240,869,023	4,805,686,426	6,099,851,170	8,665,503,578
8. Chi phí bán hàng	24		6,906,515,278	6,135,069,340	10,738,715,610	11,013,358,388
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,254,295,735	5,890,593,402	12,543,952,221	11,218,426,425
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		10,030,127,598	1,359,687,092	6,093,302,422	1,625,837,554
11. Thu nhập khác	31		13,136,848	4,277,210	13,359,556	11,304,944
12. Chi phí khác	32		1,142,836,853	31,685,168	1,974,733,150	44,919,514
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1,129,700,005)	(27,407,958)	(1,961,373,594)	(33,614,570)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8,900,427,593	1,332,279,134	4,131,928,828	1,592,222,984
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,099,242,033	509,016,667	2,099,242,033	509,016,667
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		6,801,185,560	823,262,468	2,032,686,795	1,083,206,318

Người lập biểu



NGUYỄN NGỌC LIÊN

Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Phòng Giám đốc



Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	T M	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I Lợi nhuận trước thuế		-	4,131,928,828	1,592,222,984
Điều chỉnh các khoản			18,278,065,988	19,121,590,205
- Khấu hao tài sản cố định	02		10,869,904,465	10,539,004,373
- Các khoản dự phòng	03		1,312,242,407	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		-	7,547,648
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12,108,443)	(15,396,576)
- Chi phí lãi vay	06		6,108,027,559	8,590,434,760
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22,409,994,816	20,713,813,189
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(40,210,521,804)	(34,675,700,188)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5,006,779,196)	(15,792,829,985)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp)	11		27,035,966,482	30,849,400,764
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2,983,319,087	3,087,719,872
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6,108,027,559)	(8,197,434,760)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		4,098,604,538	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(789,019,987)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5,202,556,364	(4,804,051,095)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(1,673,810,324)	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS DH khác	22		-	-
3 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12,108,443	15,396,576
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,661,701,881)	15,396,576
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		110,425,547,119	129,261,509,424
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(112,408,264,406)	(121,125,896,432)
5 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,982,717,287)	8,135,612,992
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1,558,137,196	3,346,958,473
Tiền nhận về từ hợp nhất kinh doanh				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9,117,013,689	3,347,536,174
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	8,842,813
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	10,675,150,885	6,703,337,460

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2013


CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng


NGUYỄN NGỌC LIÊN


NGUYỄN NGỌC LIÊN


SHIN YOUNG SIK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mirae, tên giao dịch là Mirae Joint Stock Company (gọi tắt là "Công ty") được thành lập với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2001 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 ngày 06/7/2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp. Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy phép đầu tư số 130/GP-KCN-BD do Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương cấp ngày 15 tháng 11 năm 2001.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần Mirae Fiber thông qua nghiệp vụ hoán đổi cổ phiếu để sở hữu 100% giá trị thuần của Công ty Cổ phần Mirae Fiber. Công ty đã phát hành thêm 14.017.123 cổ phiếu cho việc sáp nhập này. Nghiệp vụ này tạo ra khoản lợi thế thương mại với số tiền là 55.119.065.948 đồng được ghi nhận tại khoản mục chi phí trả trước dài hạn và sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ngày 26/01/2010, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh phê chuẩn việc tăng vốn điều lệ cho số lượng cổ phiếu phát hành thêm và đăng ký Công ty Cổ phần Mirae Fiber là một chi nhánh độc lập của Công ty. Ngày 06/11/2012, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh phê chuẩn việc tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, gia công và kinh doanh sản phẩm gòn, tấm chần gòn, nguyên phụ liệu và máy móc cho ngành công nghiệp may mặc.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, gia công và kinh doanh sản phẩm gòn, tấm chần gòn, gòn kim, vải địa kỹ thuật nguyên phụ liệu may mặc;
- Sản xuất, gia công và kinh doanh sản phẩm túi ngủ, chăn, khăn trải giường, gối, đệm;
- Sản xuất, gia công và kinh doanh nguyên phụ liệu ngành dệt may;
- Lắp ráp máy móc thiết bị các loại làm gòn, đệm, chần gòn, đệm lò xo, máy thêu;
- Sản xuất đệm lò xo;
- Thực hiện quyền nhập khẩu đệm lò xo và máy móc thiết bị làm gòn, đệm, chần gòn, đệm lò xo;
- Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị sản phẩm đệm gòn.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013

(tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với TSCĐ hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản cố cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013

(tiếp theo)

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 41
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	5 - 8

3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình tại Công ty bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Phần mềm kế toán	5
Quyền sử dụng đất	40

4. Chi phí trả trước dài hạn:

Các khoản chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

5. Lợi thế thương mại:

Lợi thế thương mại được phát sinh từ việc mua doanh nghiệp. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

